TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, bà Bùi Thị Thêm.

- **Thư ký phiên toà**: Bà Võ Linh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Bá Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà H Ñ Niê, sinh năm 1989. Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Y T Ksơr, sinh năm 1981. Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà H Ñ Niê trình bày:*

Bà H Ñ Niê và ông Y T Ksơr đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2009 tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống bà H Ñ Niê và ông Y T Ksơr thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là vì ông T thường xuyên uống rượu về chửi bới thậm chí là đánh bà H Ñ và ông T không chịu làm ăn. Mặc dù đã được hai

bên gia đình hòa giải, bản thân bà cũng đã cho ông T nhiều cơ hội để sữa chữa nhưng không được. Bà H Ñ Niê và ông T đã ly hôn theo phong tục tập quán của dân tộc Ê Đê và sống ly thân từ năm 2020 đến nay, trong thời gian đó bà H Ñ và ông Y T đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà H Ñ nhận thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H Ñ Niê được ly hôn với ông Y T Ksơr.

Về con chung: Bà H Ñ Niê và ông Y T Ksơr có 02 con chung là H N Niê sinh ngày 01/02/2009 và H X Niê sinh ngày 27/10/2017. Hiện nay, cả hai con đang sống cùng với bà H Ñ. Khi ly hôn, bà H Ñ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H Ñ Niê và ông Y T Ksơr tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Y T Ksơr vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX không ghi nhận được ý kiến.*

***** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Đề nghị HĐXX tuyên xử cho bà H Ñ Niê được ly hôn với ông Y T Ksơr.

+ Về con chung: Giao con H N Niê sinh ngày 01/02/2009 và H X Niê sinh ngày 27/10/2017 cho bà H Ñ Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[**1**] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk theo quy định tại Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung***:***

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/12/2009. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ kết quả xác minh và lời khai của nguyên đơn cho thấy, quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho tới nay và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Ông Y T Ksơr đã được Tòa án thông báo hợp lệ để đến Tòa án làm việc nhưng ông Y T Ksơr luôn vắng mặt, cũng không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng là thực tế và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có con chung là H N Niê sinh ngày 01/02/2009 và H X Niê sinh ngày 27/10/2017, hiện đang sinh sống cùng nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con đến khi các con trưởng thành. HĐXX xét thấy, từ khi sống ly thân tới nay các con vẫn sống cùng nguyên đơn, được nguyên đơn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đầy đủ. Do đó, nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn giảm tạm ứng án phí, án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ thí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H Ñ Niê.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà H Ñ Niê được ly hôn với ông Y T Ksơr.

- Về con chung: Giao con H N Niê sinh ngày 01/02/2009 và H X Niê sinh ngày 27/10/2017 cho bà H Ñ Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Nguyên đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thu Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện M;
- Đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu HS, VP.